

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH



PHAN DIÊN VỸ

SÁP NHẬP, HỢP NHẤT VÀ MUA BÁN
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Ở
VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SỸ KINH TẾ

TP. HỒ CHÍ MINH - 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH



PHAN DIÊN VỸ

SÁP NHẬP, HỢP NHẤT VÀ MUA BÁN
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Ở
VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SỸ KINH TẾ

Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng

Mã số: 62.34.02.01

Người hướng dẫn khoa học:

PGS., TS. NGUYỄN THỊ NHUNG

TP. HỒ CHÍ MINH - 2013

LỜI CAM ĐOAN

Tôi tên là: **PHAN DIÊN VỸ**

Sinh ngày 07 tháng 09 năm 1971

Quê quán: Quảng Trị

Hiện đang công tác tại: Viện Nghiên cứu Khoa học & Công nghệ ngân hàng – Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

Là nghiên cứu sinh khóa 15 của Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh

Cam đoan đề tài: ***Sáp nhập, hợp nhất và mua bán ngân hàng thương mại cổ phần ở Việt Nam***

Chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng; Mã số: 62.34.02.01

Người hướng dẫn khoa học: PGS;TS. NGUYỄN THỊ NHUNG

Luận án được thực hiện tại Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

Đề tài này là công trình nghiên cứu khoa học của tôi, là kết quả của một quá trình học tập, nghiên cứu có tính độc lập và nghiêm túc. Các số liệu, các nguồn trích dẫn được chú thích nguồn gốc rõ ràng, minh bạch.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan của mình.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 07 năm 2013

Tác giả

Phan Diên Vỹ

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

| TỪ VIẾT TẮT | NGHĨA TIẾNG NƯỚC NGOÀI | NGHĨA TIẾNG VIỆT |
|-------------|---|--|
| | Sacombank | Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín |
| | Southern bank | Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Nam |
| | Techcombank | Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương |
| | Vietinbank | Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam |
| ACB | Asia Commercial Bank | Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu |
| BIDV | Bank for Investment and Development of Viet Nam | Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam |
| SCB | Saigon Commercial Bank | Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn |
| SHB | | Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn- Hà Nội |
| VCB | Vietcombank | Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam |
| | VP Bank | Ngân hàng thương mại cổ phần ngoài quốc doanh (nay đổi tên thành ngân hàng Thịnh Vượng) |
| CNTT | | Công nghệ thông tin |
| CSTT | | Chính sách tiền tệ |
| DNNN | | Doanh nghiệp Nhà nước |
| EIB | Eximbank | Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam |
| ICBC | International Commercial Bank of China | Ngân hàng thương mại Trung Quốc |

| | | |
|---------|---|--|
| OTC | Offshore Technology Conference | Cổ phiếu sắp niêm yết trên thị trường không chính thức |
| FCB | First Commercial Bank | Ngân hàng thương mại cổ phần Đệ Nhất |
| FDIC | Federal Deposit Insurance Corporation | Tập đoàn bảo hiểm tiền gửi Liên bang Mỹ |
| FED | Federal Reserve System | Cục dự trữ liên bang Hoa Kỳ |
| HBB | Habubank | Ngân hàng thương mại cổ phần Nhà Hà Nội |
| HSBC | Hongkong Shanghai Banking Corporation | Ngân hàng Hongkong và Thượng Hải |
| HTX TD | | Hợp tác xã tín dụng |
| NH TMCP | | Ngân hàng thương mại cổ phần |
| NHLD | | Ngân hàng liên doanh |
| NHNN | | Ngân hàng Nhà nước |
| NHNN VN | | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |
| NHNNg | | Ngân hàng nước ngoài |
| NHTM | | Ngân hàng thương mại |
| NHTW | | Ngân hàng Trung ương |
| QTDND | | Quỹ Tín dụng Nhân dân |
| QTDND | | Quỹ Tín dụng Nhân dân |
| SME | Small and Medium Enterprises | Doanh nghiệp vừa và nhỏ |
| TCTD | | Tổ chức tín dụng |
| TMCP | | Thương mại cổ phần |
| TTCK | | Thị trường chứng khoán |
| TW | | Trung ương |
| VAT | | Thuế giá trị gia tăng |
| APEC | Asia Pacific Economic Co-operation | Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương |
| ASEAN | Association of South East Asian Nations | Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á |

| | | |
|-----|----------------------------|--|
| ATM | Automatic Teller machine | Máy rút tiền tự động |
| CAR | Capital Adequacy Ratio | Hệ số an toàn vốn |
| CIC | Credit Informations Center | Trung tâm Thông tin Tín dụng |
| CPI | Consumer Price Index | Chỉ số giá tiêu dùng |
| CRA | Credit Rating Agency | Tổ chức định giá mức độ tín nhiệm |
| IMF | Internations Money Fund | Quỹ Tiền tệ Quốc tế |
| DEA | Data Enveloment Analysis | Kỹ thuật quy hoạch tuyến tính |
| GDP | Gross Dometis Product | Tổng sản phẩm quốc nội |
| M&A | Mergers and Acquisitions | Sáp nhập, hợp nhất và mua bán |
| ROA | Return on tatal assets | Tỷ số lợi nhuận ròng trên tài sản |
| ROE | Return on common equity | Tỷ số lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu |
| PMI | Post – Merger Integration | Hợp nhất sau sáp nhập |
| WB | World Bank | Ngân hàng thế giới |
| WTO | World Trade Organization | Tổ chức Thương mại Thế giới |

DANH MỤC BẢNG

| STT | THỨ TỰ BẢNG | TÊN BẢNG | TRANG |
|-----|-------------|--|-------|
| 1 | Bảng 2.1 | Vốn điều lệ ngân hàng thương mại Việt Nam từ năm 2008- 2012 | 54-55 |
| 2 | Bảng 2.2 | Tốc độ tăng vốn điều lệ của các ngân hàng thương mại Việt Nam từ năm 2007-2012 | 55 |
| 3 | Bảng 2.3 | Hệ số CAR một số ngân hàng TMCP Việt Nam từ năm 2007- 2012 | 58 |
| 4 | Bảng 2.4 | Cổ đông chiến lược nước ngoài ở ngân hàng thương mại Việt Nam đến 31/12/2012 | 59 |
| 5 | Bảng 2.5 | Vốn điều lệ của một số ngân hàng thương mại trong khu vực Châu Á đến 31/12/2012 | 60-61 |
| 6 | Bảng 2.6 | Hệ số CAR của các TCTD tại Việt Nam và một số quốc gia trong khu vực Châu Á năm 2011- 2012 | 61 |
| 7 | Bảng 2.7 | Huy động vốn của một số ngân hàng TMCP Việt Nam năm 2012 | 65 |
| 8 | Bảng 2.8 | Cho vay trong quan hệ so sánh với tổng tài sản và tiền gửi từ năm 2008-2012 | 67 |
| 9 | Bảng 2.9 | Tốc độ tăng trưởng tín dụng và tăng trưởng tổng tài sản giai đoạn 2007-2012 | 68 |
| 10 | Bảng 2.10 | Tỷ lệ nợ xấu của một số ngân hàng TMCP Việt Nam từ năm 2007-2012 | 72 |
| 11 | Bảng 2.11 | Lợi nhuận trước thuế của các NHTM Việt Nam từ năm 2007-2012 | 76 |
| 12 | Bảng 2.12 | Hệ số ROA, ROE của một số ngân hàng TMCP | 77 |

| | | | |
|-----------|-----------|--|-----|
| | | Việt Nam từ năm 2007-2012 | |
| 13 | Bảng 2.13 | Số vụ mua lại 5 lĩnh vực hàng đầu của Mỹ | 84 |
| 14 | Bảng 2.14 | Một số chỉ tiêu của ngân hàng TMCP Sài Gòn trước và sau sáp nhập | 117 |
| 15 | Bảng 2.15 | Các thay đổi trong các tỉ số hoạt động tương đối (CRORs) của SHB và HBB tham gia trong hoạt động M&A | 123 |
| 16 | Bảng 3.1 | Bảng xếp hạng các tổ chức tư vấn M&A hàng đầu thế giới năm 2011 | 169 |

DANH MỤC HÌNH

| STT | THỨ TỰ HÌNH | TÊN HÌNH | TRANG |
|-----|-------------|---|-------|
| 1 | Hình 1.1 | Nhiều lĩnh vực của văn hóa trong môi trường ngân hàng | 43 |
| 2 | Hình 2.1 | Những mốc quan trọng ảnh hưởng đến lịch sử phát triển hệ thống ngân hàng Việt Nam | 51 |
| 3 | Hình 2.2 | Tốc độ tăng trưởng dư nợ của các ngân hàng TMCP Việt Nam từ năm 2007-2012 | 69 |
| 4 | Hình 2.3 | Cơ cấu dư nợ ngắn hạn, trung dài hạn tại ngân hàng TMCP Việt Nam từ năm 2007-2012 | 69 |
| 5 | Hình 3.1 | Quy trình M&A hướng đến hợp nhất sau sáp nhập | 173 |
| 6 | Hình 3.2 | Chiến lược và hợp nhất sau sáp nhập | 175 |
| 7 | Hình 3.3 | Khung xác định người chủ chốt | 178 |

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT

DANH SÁCH BẢNG

DANH SÁCH HÌNH

MỞ ĐẦU

| | | |
|---------------------|---|----------|
| CHƯƠNG 1 | CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ SÁP NHẬP, HỢP NHẤT VÀ MUA BÁN NGÂN HÀNG | 1 |
| 1.1 | LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG SÁP NHẬP, HỢP NHẤT VÀ MUA BÁN NGÂN HÀNG | 1 |
| 1.1.1 | Khái niệm và bản chất của sáp nhập, hợp nhất và mua bán ngân hàng | 1 |
| 1.1.2 | Các hình thức sáp nhập, hợp nhất và mua bán ngân hàng | 8 |
| 1.1.2.1 | <i>Giới hạn phạm vi lãnh thổ</i> | 8 |
| 1.1.2.2 | <i>Giới hạn mức độ liên kết</i> | 10 |
| 1.1.3 | Các bên tham gia vào hoạt động sáp nhập, hợp nhất và mua bán ngân hàng | 12 |
| 1.2 | CÁC PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN SÁP NHẬP, HỢP NHẤT VÀ MUA BÁN NGÂN HÀNG | 14 |
| 1.2.1 | Thương lượng | 14 |
| 1.2.2 | Thu gom cổ phiếu | 15 |
| 1.2.3 | Chào mua công khai cổ phiếu trên thị trường chứng khoán | 15 |
| 1.2.4 | Lôi kéo cổ đông bất mãn | 15 |
| 1.2.5 | Mua lại tài sản | 16 |
| 1.3 | NỘI DUNG CỦA QUÁ TRÌNH SÁP NHẬP, HỢP NHẤT VÀ MUA BÁN NGÂN HÀNG | 16 |
| 1.3.1 | Chuẩn bị đàm phán | 16 |
| 1.3.2 | Lập kế hoạch | 17 |